TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc** _____
Bản án số: 02/2026/KDTM-PT Ngày 10 - 7 - 2026 V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công, xây dựng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long; bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 04/2026/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXPT- KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần K. Địa chỉ: Số D N, phường V, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh L - Chủ tịch HĐQT.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P - Giám đốc. Địa chỉ: Số D N, phường V, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên T1. Địa chỉ: Tổ A, phường T, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh T - Giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Phan Thái Ấ - Phó Giám đốc. Địa chỉ Tổ A, phường T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai nguyên đơn Công ty cổ phần K trình bày:

Ngày 21/7/2021, Công ty TNHH MTV T1 (bên A) và Công ty cổ phần K (bên B) có ký Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT/2021/TT-HAPCO "V/v Thi công xây dựng hạng mục: Gia cố mái taluy dương, chân khay, rãnh cấp, dốc nước, hố tu rãnh cấp, hố thu rãnh biên tại lý trình Km6+150 - Km7+087 thuộc Dự án Tuyến đường vành đai phía Tây, TP ., đoan từ QL 14B đến đường H; Giai đoạn 1: Từ nút giao Quốc lộ A đến đường trục chính Khu Công nghệ thông tin tập trung" với Giá trị: 4.038.200.727 đồng. Sau khi hai Bên ký Hợp đồng, Công ty K đã thực hiện đúng nội dung Hợp đồng và đã hoàn thành khối lượng công việc trên phần mặt bằng được bên A giao, ngay trong năm 2021.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên căn cứ Điều khoản Hợp đồng và khối lượng thi công thực tế trên công trường để thanh toán, cụ thể:

Đầu tháng 8/2021, Bên A đã tạm ứng cho Bên B số tiền 807.640.000 đồng. Trong Tổng khối lượng đã thi công hoàn thành có 2.500m^2 gia cố mái taluy - (Khối lượng này Bên A đã được Chủ đầu tư là Nhà thầu liên doanh Tổng Công ty X - Công ty Cổ phần K nghiệm thu). Giá trị Bên B thực hiện thực tế gia cố là 1.519.186.082, đồng.

Ngày 13/12/2021, Bên A đã đồng ý nghiệm thu Đợt 1 cho Bên B với các công việc đã thi công hoàn thành tương ứng với giá trị 1.404.251.425 đồng (trong đó chỉ tạm tính 2.300m^2 gia cố mái taluy), Bên B đã gửi Hồ sơ thanh toán Đợt 1 và đã xuất Hóa đơn VAT số 000245 ngày 13/12/2021 cho Bên A giá trị 1.404.251.425 đồng, Bên A cũng đã kê khai thuế đối với Hóa đơn VAT nêu trên. Như vậy, theo Điều 4.2 và 4.3 của Hợp đồng và Hồ sơ thanh toán Đợt 1, Bên A còn phải thanh toán cho Bên B số tiền là: 982.975.104, đồng. Tuy nhiên, đến phiên tòa xin thay đổi là Bên A còn phải thanh toán cho Bên B số tiền là: 711.546.082, đồng. Đồng thời, bên A cũng không thông báo tạm dừng thi công hay Quyết toán - Thanh lý Hợp đồng trong khi Hợp đồng còn hiệu lực, khiến Bên B thêm nhiều thiệt hại (Cụ thể: Bên B từng đặt cọc và mua thêm Vật tư nhưng sau phải bỏ, duy trì thiết bị máy móc và Cán bộ công nhân viên trong một thời gian dài), gây khó khăn và thiệt hại kinh tế cho Bên B. Bên B đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, gửi văn bản yêu cầu Bên A thanh toán và giải quyết các vấn đề liên quan đến Hợp đồng, nhưng không được Bên A đáp ứng. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty K đã làm Đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV T1 phải thanh toán cho Công ty K số tiền 711.546.082, đồng, theo Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT/2021/TT-HAPCO ngày 21/7/2021. Công ty K yêu cầu:

Buộc Công ty TNHH một thành viên T1 thanh toán cho Công ty cổ phần K như sau:

Taluy dương 2500,34m^2 x 573.698, đồng = 1.434.440.057, đồng.

Rãnh cấp 245m dài x 258.985, đồng = 63.451.325, đồng;

Dốc nước 2 cái x 10.647.350, đồng = 21.294.700, đồng.

Tổng cộng là 1.519.186.082, đồng. 1.519.186.082, đồng – 807.460.000, đồng (đã được tạm ứng) = 711.546.082, đồng (là số tiền Công ty T1 nợ chưa thanh toán) và tính lãi suất với mức 10%/năm kể từ thời điểm 13/12/2021.

Không nhất trí trừ giá trị vật tư 321.600.000 đồng, vấn đề này xin để lại hai công ty xem xét giải quyết sau.

Bị đơn Công ty TNHH MTV T1 trình bày:

Ngày 20/10/2025, Công ty T1 nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 02/TB-TLVA ngày 14/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La theo đơn khởi kiện của Công ty cổ phần K *(Công ty K)*, địa chỉ: Số D N, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội (Nay là: Số D N, phường V, thành phố Hà Nội*)*.

Phía nguyên đơn yêu cầu Công ty T1 thanh toán cho Công ty K khoản tiền 982.975.104, đồng *(Chín trăm tám mươi hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm linh bốn đồng)* theo Hợp đồng kinh tế số: 10/HĐKT/2021/TT-HPPCO ngày 21/07/2021.

Về yêu cầu thanh toán của nguyên đơn: Chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty K vì những lý do sau:

Theo Hợp đồng giữa hai bên, trong đó theo khoản 4.3; 4.4 Điều 4, việc thanh toán được thực hiện "định kỳ *(15 ngày/lần)* hoặc theo từng đợt nghiệm thu thanh toán của Bên A với Chủ đầu tư" và đầy đủ các biên bản, hồ sơ nghiệm thu theo quy định, tuy nhiên đến nay giữa hai bên chưa có văn bản, hồ sơ nghiệm thu, đối chiếu công nợ làm cơ sở thanh toán.

Toàn bộ khối lượng do Công ty K thi công đã được chúng tôi tổng hợp và gửi Công ty C *(Tổng công ty X - K)* để nghiệm thu với chủ đầu tư, nhưng đến nay CIENCO1 chưa ký nghiệm thu thanh toán khối lượng trên cho Công ty chúng tôi.

Hóa đơn GTGT số tiền 1.404.250.000 đồng do Công ty K xuất ngày 13/12/2021 chỉ nhằm mục đích phục vụ báo cáo tài chính năm, chưa có giá trị pháp lý về nghiệm thu, thanh toán khối lượng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ pháp lý.

Về các khoản thanh toán và nghĩa vụ giữa hai bên: Chúng tôi đã tạm ứng cho Công ty K 807.640.000 đồng.

Trong quá trình thi công, Công ty K mua lại sản phẩm đốt cống hộp, gối cống của Công ty T1 với giá trị: 353.100.000 đồng *(Sau thuế VAT)* - Có biên bản giao nhận và xác nhận giá trị thanh toán kèm theo.

Đến tháng 6/2022, Công ty K tự ý ngừng thi công và rút khỏi công trường, làm ảnh hưởng đến tiến độ, khi công trình mới thi công được khối lượng

tương đương khoảng 1,4–1,5 tỷ đồng. Sau khi rút đi, Công ty K không còn vật tư, thiết bị, công nhân tại hiện trường.

Về việc nghiệm thu với nhà thầu chính: Công ty T1 là nhà thầu phụ của Tổng công ty C1. Đến nay, chúng tôi chưa được nghiệm thu, thanh toán khối lượng thi công với nhà thầu chính, nên chưa có cơ sở pháp lý để thanh toán cho Công ty K.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của hai bên, Công ty T1 đề xuất: Tạm chấp nhận giá trị hoàn thành của Công ty K là 1.404.250.000 đồng *(Theo hóa đơn GTGT)*. Khi nào Công ty T1 được CIENCO1 nghiệm thu thanh toán, hai bên sẽ tiến hành thanh quyết toán chính thức.

Tạm tính công nợ như sau:

Giá trị khối lượng Công ty K hoàn thành là 1.404.250.000, đồng.

Trừ đi số tiền Thanh T đã tạm ứng cho Hải P1 là 807.640.000 đồng. Trừ đi số tiền giữ lại 10% (Bảo hành, quyết toán) là 140.426.000, đồng. Trừ đi giá trị sau thuế Công ty K nợ Thanh T (Mua đốt cống, gối cống) là 353.100.000, đồng = 103.084.000, đồng.

* Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2026/KDTM-PT ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La đã Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án.

Căn cứ Điều 306 của ;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự; Điều 138, 139, 140, 141, 144, 145 và Điều 147 .

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần K về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công, xây dựng công trình".

Buộc Công ty TNHH một thành viên T1 thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền 1.015.105.846, đồng (Một tỷ không trăm mười năm triệu một trăm linh năm nghìn tám trăm bốn sáu đồng). Trong đó, tiền nợ là 711.546.082, đồng (Bẩy trăm mười một triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm tám mươi hai đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán là 303.559.764, đồng (Ba trăm linh ba triệu năm trăm năm mươi chín nghìn bẩy trăm sáu mươi tư đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của , tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Công ty TNHH MTV T1 phải chịu 42.450.000, đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần K 20.000.000, đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000436 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/4/2026 người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Thanh T có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn Công ty cổ phần K - Ông Nguyễn Thanh P (người được uỷ quyền) có ý kiến cho rằng: Kháng cáo của phía bị đơn Công ty T1 là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH MTV T1 - Ông Phan Thái Ấ (người được uỷ quyền) cho rằng: Bản án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời xuất trình Biên bản làm việc giữa Công ty T1 và Công ty C để chứng minh hai bên chưa nghiệm thu khối lượng công việc theo nội dung hợp đồng thi công xây dựng đã được ký kết.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV T1; giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2026/KDTM-ST của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 21/7/2021, Công ty TNHH MTV T1 (Bên A) và Công ty cổ phần K (Bên B) có ký Hợp đồng Kinh tế số 10/HĐKT/2021/TT-HAPCO "V/v Thi công xây dựng hạng mục: Gia cố mái taluy dương, chân khay, rãnh cấp, dốc nước, hố tu rãnh cấp, hố thu rãnh biên tại lý trình Km6+150 - Km7+087 thuộc Dự án Tuyến đường vành đai phía Tây - Thành phố Đà Nẵng, đoạn từ Quốc lộ A đến đường H. Quá trình thực hiện hợp đồng, do xác định Công ty TNHH MTV T1 vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên Công ty cổ phần K đã khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV T1 phải thanh toán toàn bộ chi phí Công ty cổ phần K đã thi công trên thực tế. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng thi công, xây dựng" và thụ lý giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quy định.

[2] Về các tài liệu chứng cứ bổ sung: Quá trình Toà án nhân dân tỉnh Sơn La giải quyết vụ án, Công ty TNHH MTV T1 giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gồm:

- 01 bản photo Công văn số 23/TCT-KHTT ngày 15/01/2026 của Tổng Công ty X - Công ty CK, về việc Phúc đáp Công văn số 02/CV-TA ngày 30/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Sơn La, nội dung: *"... Hiện tại, sau khi trừ đi các khoản thanh toán mà CIENCO1 đã thanh toán cho các công việc do Công ty T1 thực hiện tại dự án thì Công ty T1 vẫn còn nợ CIENCO1 do dư tiền ứng mà Công ty T1 đã tạm ứng để thi công dự án. Chính vì vậy, xét về tài chính thì CIENCO1 không nợ Công ty T1 và không có trách nhiệm liên quan đến công nợ của Công ty T1 với các đơn vị khác của Công ty T1"*.

- Công văn số 88/2026/KH-TT ngày 24/3/2026 của Tổng Công ty X - Công ty CK, về việc đối chiếu khối lượng đã thực hiện gói thầu xây lắp giao thông, thoát nước Dự án tuyến đường vành đai phía Tây đoạn từ Quốc lộ A đến đường H - Giai đoạn 1, nội dung: *"... Công ty CK đề nghị Công ty TNHH MTV T1 khẩn trương thực hiện việc đối chiếu khối lượng đã thực hiện. Đến ngày 10/4/2026 đơn vị chưa có số liệu đối chiếu, xác nhận gửi CIENCO1 thì đơn vị sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước CIENCO1 và không có quyền khiếu nại các số liệu do CIENCO1 đã đưa"*.

- Biên bản làm việc giữa: (Bên A) Tổng công ty X1 - Công ty C và (Bên B) Công ty T1, nội dung: *"... Do dự án thực hiện kéo dài, Ban điều hành dự án có sự thay đổi liên tục về nhân sự, dẫn đến các hồ sơ liên quan bị thất lạc cho nên công tác đối chiếu khối lượng giữa hai bên vẫn chưa thể hoàn tất theo đúng kế hoạch. Phần công việc do Công ty TNHH MTV T1 đã thực hiện như Gia cố mái taluy dương, chân khay, rãnh cấp, dốc nước, hố thu rãnh cấp, hố thu rãnh biên tại lý trình Km6+150 - Km7+087 chưa cập nhận đủ hồ sơ làm cơ sở đối chiếu xác định khối lượng để nghiệm thu thanh toán cho đơn vị. Để có cơ sở thực hiện tốt công tác đối chiếu, hai bên thống nhất tiếp tục cập nhật bổ sung và*

hoàn thiện hồ sơ sớm nhất. Công tác đối chiếu giữa hai bên không phát sinh bất cứ nghĩa vụ nào giữa CIENCO1 với các đơn vị thầu phụ của Công ty TNHH MTV T1".

[3] Xét nội dung kháng cáo của Công ty TNHH MTV T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Về việc ký kết hợp đồng:

CIENCO1 là thành viên liên danh nhà thầu chính thuộc Tổng Công ty X - Công ty Cổ phầK và nhà thầu Tổng công ty K. Trong đó CIENCO1 là nhà thầu chính, Công ty TNHH MTV T1 (Công ty T1) là nhà thầu phụ; Công tác nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành của CIENCO1 với Chủ Đầu tư (CĐT) cũng như với các nhà thầu phụ vẫn diễn ra bình thường theo đúng qui trình quy định của luật hiện hành.

Ngày 21/7/2021, Công ty TNHH MTV T1 và Công ty cổ phần K (Công ty K) có ký Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT/2021/TT-HAPCO "V/v Thi công xây dựng hạng mục: Gia cố mái taluy dương, chân khay, rãnh cấp, dốc nước, hố tu rãnh cấp, hố thu rãnh biên tại lý trình Km6+150 - Km7+087 thuộc Dự án Tuyến đường vành đai phía Tây, TP ., đoạn từ QL 14B đến đường H. Việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa Công ty T1 và Công ty K đúng quy định của pháp luật, các bên đều có tư cách pháp nhân và hoạt động độc lập theo quy định của Luật doanh nghiệp.

[3.2] Về điều kiện phát sinh nghĩa vụ nghiệm thu và thanh toán:

Do đây là hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực xây dựng, thi công, điều kiện để nghiệm thu và quyết toán là khối lượng công việc thi công phải được nghiệm thu khi hoàn thành xong các hạng mục theo hợp đồng và được bên chủ đầu tư chấp nhận nghiệm thu. Như vậy, dựa vào các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp, Công ty T1 và Công ty K đều chưa đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng kinh tế mà hai bên đã ký kết.

Về nghĩa vụ thi công, do trở ngại khách quan Công ty K chấm dứt thi công nhưng Công ty T1 không có ý kiến gì (không yêu cầu tiếp tục thi công) được coi là chấp nhận chấm dứt hợp đồng và kể từ thời điểm này, bên Công ty T1 cũng phát sinh nghĩa vụ nghiệm thu và thanh toán đối với khối lượng công việc mà Công ty K đã làm. Những khối lượng công việc nào Công ty K đã hoàn thành hai bên sẽ đối chiếu theo quy định của Hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT/2021/TTT-HAPCO về điều kiện thanh toán mà không cần nhà thầu chính CIENCO1 nghiệm thu khối lượng mới có cơ sở để thanh toán cho Công ty K.

[3.3] Về nghĩa vụ thanh toán và xác định tiền lãi chậm trả:

Về nghĩa vụ nghiệm thu và chấm dứt hợp đồng, thực tế bên CIENCO1 đã chấm dứt hợp tác với Công ty T1. Tuy nhiên, bên Công ty T1 không báo hay phản hồi lại với bên nhà thầu phụ là Công ty K để bàn giao nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành, nên Công ty K vẫn thực hiện thi công đến cuối năm 2021. Do hai bên tự ý chấm dứt hợp đồng, nên vấn đề nghiệm thu chưa được thực hiện, thực tế Công ty K đã xuất hoá đơn cho Công ty T1 nghiệm thu dù đã nhiều lần gửi hồ sơ thanh toán.

[3.4] Về khối lượng công việc Công ty K đã thực hiện:

Khối lượng Taluy dương: Tại phiếu xuất hoá đơn ngày 13/12/2021 của Công ty K ghi rõ hạng mục Taluy dương đã làm được khối lượng là 2.500m^2, phiếu xuất hoá đơn tạm tính giá trị là 2.300m^2 = 1.404.251.425 đồng (giữ lại 1 phần để thanh toán đợt sau theo quy định hợp đồng). Tại biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đợt 11, Công ty T1 gửi CIENCO1 thể hiện rõ gia cố mái Taluy dương khối lượng 2.500,34m^2 đoạn Km6+435,15 - Km6+600 phải tuyến (nằm trong đoạn Km6+150 - Km7+087 theo hợp đồng kinh tế số 10). Do đó, số tiền Công ty TNHH MTV T1 phải thanh toán cho Công ty K là: 2.500,34m^2 x 573.698, đồng = 1.434.444.057, đồng.

Khối lượng rãnh cấp, dốc nước: Tại bảng tính giá trị khối lượng công việc hoàn thành thanh toán đợt 1 của Công ty K lập ngày 13/12/2021 thể hiện Công ty K hoàn thành được 245m/470m rãnh cấp; 2/5 dốc nước. Như vậy, Công ty K chưa hoàn thành khối lượng theo các hạng mục được ký kết như trong hợp đồng nên các bên chưa thực hiện nghiệm thu, Công ty K chưa xuất hoá đơn đối với 2 hạng mục này. Do đó, đối với 2 hạng mục dốc nước và rãnh cấp, Công ty T1 phải thanh toán cho Công ty K là: Rãnh cấp 245m dài x 258.985, đồng = 63.451.325, đồng. Dốc nước 02 cái x 10.647.350, đồng = 21.294.700, đồng.

Tổng 3 hạng mục Công ty K đã thi công gồm: Taluy dương, rãnh cấp, dốc nước giá trị là 1.434.444.057, đồng + 63.451.325, đồng + 21.294.700, đồng = 1.519.186.082, đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã cho Công ty K tạm ứng số tiền là 807.640.000, đồng.

1.519.186.082, đồng - 807.640.000, đồng = 711.546.082, đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, Công ty T1 và Công ty K đã thống nhất được giá trị, khối lượng các hạng mục công trình mà Công ty K đã thi công. Như vậy, Công ty T1 còn phải thanh toán cho Công ty K số tiền là 711.546.082, đồng.

Việc Công ty T1 đưa ra lý do chưa được nghiệm thu thanh toán khối lượng thi công với nhà thầu chính CIENCO1 nên chưa có cơ sở pháp lý để thanh toán cho Công ty K là không có căn cứ.

[3.4] Đối với tính lãi suất chậm trả: Công ty K đã cung cấp phiếu xuất hoá đơn đối với hạng mục Taluy dương ngày 13/12/2021 cùng bảng tính giá trị khối lượng công việc hoàn thành thanh toán đợt 1 có bổ sung thêm 2 hạng mục là rãnh cấp và dốc nước (chưa xuất hoá đơn).

Mặc dù Công ty T1 chưa nghiệm thu cho Công ty K. Tuy nhiên, Công ty T1 đã gửi hồ sơ thanh toán số 11 cho CIENCO1 xác định khối lượng các hạng mục này. Do đó, Toà án tính lãi suất chậm trả cho Công ty K kể từ thời điểm Công ty K xuất hoá đơn, phù hợp với quy định của hợp đồng số 10 về thời điểm nghiệm thu và thanh toán công trình đối với Công ty K.

Tại phiên toà phúc thẩm, Công ty K giữ nguyên yêu cầu tính lãi chậm trả là 10%/năm = 0,83%/tháng kể từ ngày Công ty K xuất hoá đơn (ngày 13/12/2021). Xét thấy, việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả của Công ty K là phù hợp, đúng quy định nên cần chấp nhận. Như vậy, xác định Công ty T1 còn nợ Công ty K số tiền là 711.546.082 đồng, được tính lãi chậm trả kể từ ngày Công ty K xuất hoá đơn VAT cho Công ty T1 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/3/2026) là 51 tháng 12 ngày. Cụ thể như sau:

711.546.082, đồng x 0,83% x 51 tháng 12 ngày = 303.559.764, đồng.

711.546.082, đồng + 303.559.764, đồng = 1.015.105.846, đồng (Trong đó: 711.546.082, đồng tiền nợ và 303.559.764, đồng tiền lãi chậm trả).

[4] Về việc đối trừ công nợ giữa các bên:

Công ty K còn nợ Công ty T1 (Mua đốt cống, gối cống, không nằm trong hợp đồng số 10) là 321.600.000, đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này, nhưng bị đơn không thực hiện; nguyên đơn không nhất trí với số tiền đối trừ. Căn cứ Điều 5, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này của Công ty T1 trong vụ án là phù hợp. Công ty T1 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có đủ điều kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn Công ty K xác nhận có nợ 321.600.000, đồng tiền vật tư (Mua đốt cống, gối cống, không nằm trong hợp đồng số 10) của Công ty T1. Tuy nhiên, nếu Công ty T1 thanh toán toàn bộ số nợ và lãi chậm trả cho Công ty K thì Công ty K sẽ trả ngay số tiền 321.600.000, đồng cho Công ty T1; bị đơn Công ty TNHH MTV T1 và xin rút kháng cáo về nội dung này.

[5] Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV T1; giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2026/KDTM-ST ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[65] Về án phí: Do kháng cáo của Công ty TNHH MTV T1 không được chấp nhận, vì vậy Công ty TNHH MTV T1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1; giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2026/KDTM-ST ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La như sau:

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại; các Điều 138, 139, 140, 141, 144, 145, 147 Luật Xây dựng; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K về việc "Tranh chấp Hợp đồng thi công, xây dựng công trình".

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần K tổng số tiền là: 1.015.105.846, đồng *(Một tỷ, không trăm mười lăm triệu, một trăm linh lăm nghìn, tám trăm bốn sáu đồng)*. Trong đó: 711.546.082, đồng *(Bẩy trăm mười một triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm tám hai đồng)* là tiền nợ và 303.559.764, đồng *(Ba trăm linh ba triệu, năm trăm lăm mươi chín nghìn, bẩy trăm sáu tư đồng)* là tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại là 42.453.175,38 đồng; làm tròn là 42.453.000, đồng *(Bốn mươi hai triệu, bốn trăm lăm mươi ba nghìn đồng)*.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần K 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000436 ngày 14/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*; được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* theo biên lai thu số 0000414 ngày 07/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2026)./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a], 7[b] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Phạm Tuấn Minh